

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải

(Tiếp theo Công báo số 355 + 356)

PHỤ LỤC 46

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN **CƠ BẢN CHO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC TRÊN TÀU KHÍ HÓA LỎNG** (Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện

1. Mục đích

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cơ bản cho các sỹ quan và thuyền viên làm việc trên tàu khí hóa lỏng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-V/1-2 của Bộ luật STCW.

2. Mục tiêu

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/1-2-1 của Bộ luật STCW. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Góp phần vào việc vận hành an toàn tàu khí hóa lỏng;
- Thực hiện các lưu ý để ngăn ngừa các nguy hiểm;
- Áp dụng các lưu ý và biện pháp để đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Thực hiện các hoạt động dập cháy;
- Ứng phó với các tình huống khẩn cấp;
- Thực hiện các lưu ý để phòng ngừa ô nhiễm môi trường do rò rỉ khí hóa lỏng.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải có giấy chứng nhận Huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện cơ bản tàu khí hóa lỏng.

Học viên đã có thời gian đi biển 3 tháng trở lên trên tàu khí hóa lỏng, được cơ sở đào tạo miễn học tập, huấn luyện, nhưng phải tham gia kiểm tra, đánh giá năng lực để được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện cơ bản tàu khí hóa lỏng.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

- Thỏa mãn yêu cầu ở Mục A-I/6 của Bộ luật STCW;

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan vận hành boong hoặc máy trở lên và nắm vững tính chất hàng hóa, có kinh nghiệm trong các hoạt động làm hàng và các quy trình an toàn trên tàu.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

Nội dung đánh giá:

- + Tàu khí hóa lỏng: cấu trúc và bố trí;
- + Hoạt động làm hàng trên tàu khí hóa lỏng;
- + Các thuộc tính vật lý của khí hóa lỏng;
- + Các nguy hiểm phát sinh khi vận chuyển khí hóa lỏng và các biện pháp kiểm soát;
- + Các thiết bị đo, thiết bị an toàn và bảo vệ trên tàu khí hóa lỏng;
- + Các quy trình làm việc an toàn trên tàu khí hóa lỏng;
- + Công tác dập cháy trên tàu khí hóa lỏng;
- + Quy trình khẩn cấp trên tàu khí hóa lỏng;
- + Các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do rò rỉ hàng khí hóa lỏng.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hệ thống trình chiếu/tivi

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model Course 1.04

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng Huấn luyện cơ bản tàu khí hóa lỏng

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Tàu khí hóa lỏng	3.0	
2	Các hoạt động làm hàng	7.5	

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
3	Các thuộc tính vật lý của khí hóa lỏng	1.5	
4	Văn hóa an toàn và quản lý an toàn trên tàu kết	1.5	
5	Các nguy hiểm phát sinh khi vận hành tàu kết	1.5	
6	Kiểm soát các nguy hiểm	1.5	
7	Các thông tin trong MSDS	1.5	
8	Chức năng và việc sử dụng thích hợp các thiết bị đo khí	0.5	
9	Sử dụng thích hợp các thiết bị an toàn và bảo vệ		1.0
10	Các quy trình và thực tiễn làm việc an toàn phù hợp với luật và các hướng dẫn về an toàn cho tàu khí hóa lỏng	3.0	
11	Công tác sơ cứu có tham chiếu MSDS	1.5	
12	An toàn cháy và dập cháy	2.0	3.0
13	Quy trình khẩn cấp gồm cả việc đóng khẩn cấp	0.5	
14	Ảnh của ô nhiễm đến con người và môi trường biển	0.25	
15	Các quy trình ngăn ngừa ô nhiễm	0.25	
16	Các biện pháp cần thực hiện khi xảy ra sự cố tràn hàng	1.5	
17	Nghiên cứu các tình huống	1.5	
18	Đánh giá	1.0	
		30.0	4.0
	Tổng	34.0 giờ	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 47

**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NÂNG CAO
CHO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC TRÊN TÀU KHÍ HÓA LỎNG**
*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện nâng cao cho các sỹ quan và thuyền viên có trách nhiệm và nhiệm vụ trực tiếp đến khai thác hệ thống hàng hóa trên tàu khí hóa lỏng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-V/1-2 của Bộ luật STCW.

2. Mục tiêu

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/1-2-2 của Bộ luật STCW. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Có khả năng thực hiện và kiểm tra an toàn tất cả các thao tác với hàng khí hóa lỏng;
- Làm quen với các thuộc tính vật lý và hóa học của hàng khí hóa lỏng;
- Thực hiện các lưu ý để phòng tránh nguy hiểm;
- Thực hiện các lưu ý về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Có khả năng ứng phó với các tình huống nguy cấp;
- Thực hiện các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;
- Thực hiện việc kiểm tra và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của luật.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải:

- Có chứng chỉ huấn luyện cơ bản tàu khí hóa lỏng;
- Có ít nhất 3 tháng phục vụ trên tàu khí hóa lỏng hoặc có 1 tháng được huấn luyện theo chương trình được thừa nhận trên tàu khí hóa lỏng, trong đó có tối thiểu 3 lần nhận và 3 lần trả hàng.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này, các học viên sẽ được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nâng cao tàu khí hóa lỏng.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

- Thỏa mãn yêu cầu ở Mục A-I/6 của Bộ luật STCW;
- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan quản lý boong hoặc máy trở lên và nắm vững tính chất hàng hóa, có kinh nghiệm trong các hoạt động làm hàng và các quy trình an toàn trên tàu.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

Nội dung đánh giá:

- + Thiết kế, các hệ thống và thiết bị trên tàu khí hóa lỏng;
- + Các loại bơm và đặc tính của chúng;
- + Công tác an toàn và kiểm tra an toàn trên tàu khí hóa lỏng;
- + Các quy trình kiểm tra an toàn đối với hệ thống hàng hóa trên tàu khí hóa lỏng;
- + Hoạt động làm hàng trên tàu khí hóa lỏng;
- + Đo và tính khí hóa lỏng;
- + Các thuộc tính vật lý và hóa học của khí hóa lỏng;
- + Các nguy hiểm và biện pháp kiểm soát nguy hiểm trên tàu khí hóa lỏng;
- + Công tác đánh giá rủi ro và an toàn con người trên tàu khí hóa lỏng;
- + Các quy trình khẩn cấp trên tàu khí hóa lỏng;
- + Quy trình ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trên tàu khí hóa lỏng;
- + Công tác kiểm tra và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của luật.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hệ thống trình chiếu/tivi

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model Course 1.05

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng huấn luyện tàu khí hóa lỏng nâng cao

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Hiểu biết về thiết kế, các hệ thống và thiết bị tàu khí hóa lỏng	11.5	3.0
2	Hiểu biết về các đặc tính bơm, các loại bơm và vận hành an toàn chúng	3.0	

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
3	Hiểu biết về ảnh hưởng của hàng lỏng rời tới hiệu số món nước, ổn định và nguyên vẹn cấu trúc	1.0	0.5
4	Văn hóa an toàn và thực thi hệ thống quản lý an toàn trên tàu kết	1.5	
5	Khả năng thực hiện công tác chuẩn bị, các quy trình và kiểm tra an toàn cho mọi thao tác với hàng hóa	9.5	6.0
6	Kỹ năng thực hiện việc đo và tính hàng	1.5	2.5
7	Khả năng quản lý và giám sát các nhân viên làm hàng	0.5	
8	Thấu hiểu về các thuộc tính vật lý, hóa học và các khái niệm liên quan đến vận chuyển an toàn khí hóa lỏng rời	2.0	2.0
9	Thấu hiểu các thông tin hàm chứa trong MSDS	0.5	0.5
10	Thấu hiểu các nguy hiểm và các biện pháp kiểm soát trên tàu khí hóa lỏng	2.5	
11	Khả năng hiệu chuẩn và sử dụng hệ thống đo và kiểm tra		0.5
12	Thấu hiểu các nguy hiểm do không tuân thủ các quy định/luật	0.5	
13	Thấu hiểu về thực hiện công việc an toàn: đánh giá rủi ro và an toàn con người trên tàu khí hóa lỏng	2.5	0.5
14	Thấu hiểu về các quy trình khẩn cấp trên tàu khí hóa lỏng	2.0	
15	Các hành động khi tàu bị va chạm, mắc cạn hoặc tràn hàng, sự lan tràn khí độc hoặc hơi dễ cháy	0.5	
16	Hiểu biết về quy trình sơ cứu và giải độc trên tàu khí hóa lỏng có tham chiếu MFAG	1.5	

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
17	Hiểu biết về quy trình để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	0.5	
18	Thấu hiểu các điều khoản của MARPOL 1973/1978, các tài liệu liên quan của IMO và các quy định của cảng thường được áp dụng	0.5	
19	Kỹ năng sử dụng IBC Code, IGC Code và các tài liệu liên quan	0.5	
20	Nghiên cứu tình huống	1.5	
21	Đánh giá	1.0	
		44.5	15.5
	Tổng	60.0 giờ	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 48**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN SƠ CỨU CƠ BẢN**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các học viên về sơ cứu cơ bản trên biển nhằm đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo Quy định VI/1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

2. Mục tiêu

Học viên sau khóa huấn luyện sẽ đạt năng lực tối thiểu về sơ cứu cơ bản được nêu tại Bảng A-VI/1-3 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

Khi hoàn thành khóa huấn luyện, học viên phải đạt được kiến thức, kỹ năng về:

- Đánh giá được tình trạng của nạn nhân và các mối nguy hiểm đe dọa an toàn cho chính bản thân;
- Nắm được cấu tạo giải phẫu và hoạt động chức năng của cơ thể người.
- Thực hiện thành thạo cách đặt tư thế nạn nhân phù hợp với tình trạng;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật hồi sức tim phổi;
- Thực hiện thành thạo các biện pháp cầm máu;
- Thực hiện được các biện pháp thích hợp để xử lý sốc;
- Thực hiện thành thạo các biện pháp sơ cứu bỏng, tai nạn liên quan đến điện;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật di chuyển nạn nhân khẩn cấp và vận chuyển nạn nhân an toàn;
- Sử dụng thành thạo túi sơ cấp cứu.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải đủ 16 tuổi trở lên.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này cùng với các chương trình huấn luyện: An toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội, phòng cháy chữa cháy,

kỹ thuật cứu sinh và nhận thức an ninh tàu biển, học viên sẽ được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản theo quy định.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên là người có trình độ bác sĩ y khoa hoặc người tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành hàng hải và có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chăm sóc y tế.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Đánh giá tình trạng của nạn nhân và các mối nguy hiểm đe dọa an toàn cho chính bản thân;

- Cấu tạo giải phẫu và hoạt động chức năng của cơ thể người;
- Cách đặt tư thế nạn nhân phù hợp với tình trạng;
- Kỹ thuật hồi sức tim phổi;
- Các biện pháp cầm máu;
- Các biện pháp thích hợp để xử lý sốc;
- Các biện pháp sơ cứu bỏng, tai nạn liên quan đến điện;
- Kỹ thuật di chuyển nạn nhân khẩn cấp và vận chuyển nạn nhân an toàn;
- Sử dụng túi sơ cấp cứu;

8. Thiết bị trợ giảng (A):

- A1: Tài liệu hướng dẫn cho huấn luyện viên

- A2: Video

9. Tham chiếu theo IMO (R):

R1 IMO Model Course 1.13

10. Tài liệu học tập (T)

T1 Bài giảng Sơ cứu cơ bản

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Nguyên tắc chung	0.5	
2	Giải phẫu và hoạt động chức năng của cơ thể người	0.5	
3	Tư thế nạn nhân	0.5	0.5
4	Cấp cứu nạn nhân bất tỉnh	1	1
5	Kỹ thuật hồi sức tim phổi	1.0	2.5
6	Băng vết thương phần mềm	0.5	1.5
7	Các biện pháp cầm máu	0.5	1.5
8	Gãy xương, trật khớp, chấn thương phần mềm	0.5	1.5
9	Bỏng, tai nạn do điện	0.5	0.5
10	Xử lý sốc	0.5	
11	Say sóng	0.5	
12	Đuối nước và hạ thân nhiệt	0.5	0.5
13	Say nắng, say nóng	0.5	
14	Di chuyển nạn nhân khẩn cấp và vận chuyển nạn nhân an toàn	0.5	1.0
15	Các vấn đề khác và kiểm tra hết môn	0.5	0.5
16	Đánh giá	0.5	
	Tổng	20 giờ	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 49**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN SƠ CỨU Y TẾ**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các học viên về sơ cứu y tế trên biển nhằm đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo quy định VI/4-1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

2. Mục tiêu

Học viên sau khóa huấn luyện sẽ đạt năng lực tối thiểu về sơ cứu y tế được nêu tại bảng A-VI/4-1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

Khi hoàn thành khóa huấn luyện, học viên phải đạt được kiến thức, kỹ năng về:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng sơ cứu cơ bản trong các tình huống khẩn cấp;
- Sử dụng thành thạo túi cấp cứu;
- Nắm rõ cấu tạo giải phẫu và hoạt động chức năng của cơ thể người;
- Biết được những nguy cơ và cách xử lý nhiễm độc trên tàu;
- Thực hiện được cách khám một bệnh nhân;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng cấp cứu chấn thương cột sống;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng cấp cứu bỏng, ảnh hưởng do nóng, lạnh;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng cấp cứu gãy xương, trật khớp, chấn thương cơ;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng chăm sóc người được cứu vớt;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn y tế qua vô tuyến;
- Biết được cách sử dụng thuốc và thực hiện được kỹ thuật tiêm thuốc;
- Thực hiện thành thạo các kỹ năng khử trùng;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng cấp cứu người bị ngừng tim, đuối nước và ngạt khí độc.

3. Tiêu chuẩn đăng ký học

Học viên tham gia khóa học phải có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này, học viên sẽ được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện sơ cứu y tế theo quy định.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên là người có trình độ bác sĩ đa khoa, có trợ giảng được đào tạo phù hợp.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Kỹ năng sơ cứu cơ bản trong các tình huống khẩn cấp;
- Sử dụng túi cấp cứu;
- Cấu tạo giải phẫu và hoạt động chức năng của cơ thể người;
- Những nguy cơ và cách xử lý nhiễm độc trên tàu;
- Cách khám một bệnh nhân;

- Cấp cứu chấn thương cột sống;
- Cấp cứu bỏng và ảnh hưởng do nóng, lạnh;
- Cấp cứu gãy xương, trật khớp, chấn thương phần mềm;
- Chăm sóc người được cứu vớt;
- Tư vấn y tế qua vô tuyến;
- Sử dụng thuốc và kỹ thuật tiêm thuốc;
- Khử trùng;
- Cấp cứu người bị ngừng tim, đuối nước và ngạt.

8. Thiết bị trợ giảng (A):

- A1: Tài liệu hướng dẫn cho huấn luyện viên
- A2: Video

9. Tham chiếu theo IMO (R):

R1 IMO Model Course 1.14

10. Tài liệu học tập (T)

T1 Bài giảng Sơ cứu y tế.

Phần B: Chương trình và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Hành động khẩn cấp	0.5	1.5
2	Túi cấp cứu cơ động	0.5	0.5
3	Giải phẫu và chức năng cơ thể người	2.0	0.5
4	Nhiễm độc trên tàu	2.0	1.5
5	Khám bệnh nhân	1.0	0.5
6	Các loại chấn thương cột sống	1.5	1.5
7	Bỏng, ảnh hưởng của nóng và lạnh	1.5	1.5
8	Gãy xương, trật khớp, chấn thương phần mềm	1.0	2.0
9	Chăm sóc người được cứu vớt	1.0	1.0
10	Tư vấn y tế qua vô tuyến	0.5	0.5

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
11	Dược lý	1.0	1.5
12	Khử trùng	0.5	
13	Ngừng tim, đuối nước, ngạt	0.5	1.5
14	Các vấn đề về tâm lý	1.5	0.5
15	Đánh giá	0.5	
Tổng		30	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 50**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHĂM SÓC Y TẾ**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các học viên về kiến thức, kỹ năng chăm sóc y tế nhằm đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo Quy định VI/4-1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

2. Mục tiêu

Học viên sau khóa huấn luyện sẽ đạt năng lực tối thiểu về chăm sóc y tế được nêu tại Bảng A -VI/4-2 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

Khi hoàn thành khóa huấn luyện, học viên phải đạt được kiến thức, kỹ năng về:

1. Chăm sóc y tế cho các tai nạn liên quan đến:

- Chấn thương đầu hoặc cột sống;
- Chấn thương tai, mũi, họng và mắt;
- Chảy máu trong và chảy máu ngoài;
- Bỏng, bỏng do nước sôi và phát cước do lạnh;
- Gãy xương, sai khớp và chấn thương cơ;
- Các loại vết thương;
- Giảm đau;
- Kỹ thuật khâu và dính liền vết thương;
- Chăm sóc các trường hợp đau bụng cấp tính;
- Điều trị bằng tiêu phẫu;
- Băng vết thương phần mềm.

2. Các công việc điều dưỡng:

- Nguyên tắc chung;
- Kỹ năng chăm sóc người bệnh;

- Triệu chứng, điều trị các bệnh, bao gồm:
 - + Các bệnh và các trường hợp cấp cứu;
 - + Các bệnh lây truyền qua đường tình dục;
 - + Bệnh nhiệt đới và truyền nhiễm;
 - + Chăm sóc răng miệng;
 - + Bệnh phụ khoa và thai nghén;
 - + Chăm sóc y tế cho những người được cứu vớt;
 - + Tử vong trên biển;
 - + Kiểm soát môi trường trên tàu.
- Phòng, chống dịch bệnh:
 - + Tẩy trùng, diệt côn trùng diệt chuột;
 - + Tiêm chủng;
- Ghi chép, lưu giữ hồ sơ:
 - + Lưu hồ sơ y tế;
 - + Các quy tắc về y tế hàng hải quốc gia và quốc tế;
- Trợ giúp ngoài tàu, bao gồm:
 - + Tư vấn y tế qua radio;
 - + Vận chuyển người ốm, người bị thương;
 - + Chăm sóc cho thuyền viên bị ốm bằng cách kết hợp với bộ phận y tế ở cảng hoặc khu ngoại trú trong cảng.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Những học viên đã hoàn thành chương trình huấn luyện sơ cứu y tế đủ điều kiện tham gia khóa học này.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này, học viên sẽ được cấp giấy chứng nhận huấn luyện chăm sóc y tế theo quy định.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên là người có trình độ bác sĩ y khoa, có kinh nghiệm chăm sóc người bệnh và có trợ giảng được đào tạo phù hợp.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Chăm sóc y tế cho các tai nạn thương tích;
- Các công việc điều dưỡng;
- Triệu chứng, điều trị các bệnh;
- Chăm sóc răng miệng;
- Bệnh phụ khoa và thai nghén;
- Chăm sóc y tế cho những người được cứu vớt;
- Tử vong trên biển;
- Kiểm soát môi trường trên tàu;
- Phòng, chống dịch bệnh;
- Ghi chép, lưu giữ hồ sơ;
- Trợ giúp ngoài tàu.

8. Thiết bị trợ giảng (A):

- A1: Tài liệu hướng dẫn cho huấn luyện viên
- A2: Video

9. Tham chiếu theo IMO (R):

R1 - IMO Model Course 1.15

10. Tài liệu học tập (T)

T1 Bài giảng Chăm sóc y tế

Phần B: Chương trình và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Ôn tập sơ cứu cơ bản, cấp cứu y tế	3.0	3.0
2	Chăm sóc người bị thương	3.0	4.0
3	Điều dưỡng cơ bản	1.5	2.0
4	Các bệnh	3.0	2.5
5	Rượu và ma túy	3.0	
6	Chăm sóc răng miệng	1.0	
7	Bệnh phụ khoa và thai nghén	1.0	
8	Chăm sóc người được cứu vớt	1.0	2.0
9	Tử vong trên biển	1.0	
10	Kiểm soát môi trường trên tàu	1.5	0.5
11	Phòng chống dịch bệnh	0.5	0.5
12	Ghi chép, lưu trữ hồ sơ	0.5	
13	Thuốc và vật tư y tế	2.0	2.0
14	Trang thiết bị, dụng cụ y tế	2.0	2.0
15	Trợ giúp ngoài tàu	2.0	1.0
16	Đánh giá	0.5	
	Tổng	46	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 51**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ HOẶC NGUỒN LỰC BUỒNG LÁI**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho thuyền viên khai thác hiệu quả nguồn lực buồng lái, tuân thủ các quy tắc Quốc tế về ngăn ngừa va chạm tàu thuyền trên biển (COLREG 1972) và tuân theo nguyên tắc cơ bản của ca trực hàng hải được đặt ra tại Quy định VIII/2, Phần A-VIII/2 và B-VIII/2 của Bộ luật STCW 1978 và các bổ sung sửa đổi.

2. Mục tiêu

Học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phải đạt được kỹ năng sau:

- Làm quen với việc sử dụng hệ động lực và máy lái để điều động tàu;
- Hiểu được tác động của các yếu tố ngoại cảnh như sóng, gió và dòng chảy, nước nông, bờ kè, luồng hẹp và điều kiện tải đối với con tàu;
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc lập tuyến đường, điều động tàu và sự cần thiết có kế hoạch thay thế;
- Vận dụng tốt các quy trình trực ca buồng lái và phối hợp hiệu quả giữa các thành viên buồng lái khi trực ca, khi điều khiển tàu trong điều kiện bình thường cũng như trong các tình huống nguy cấp;
- Hiểu và nhận thức được các hình thức thông tin liên lạc hiệu quả.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng trở lên;

Học viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng các ngành cùng nhóm ngành, đã hoàn thành khóa bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học, bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng tương ứng được xem xét như học viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chuyên ngành.

Học viên tốt nghiệp hệ trung cấp ngành điều khiển tàu biển, phải hoàn thành chương trình trung cấp nâng cao tương ứng.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên sẽ được cấp chứng chỉ (quản lý đội ngũ/nguồn lực buồng lái) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Sử dụng hệ động lực và máy lái để điều động tàu;

- Các yếu tố ngoại cảnh như sóng, gió và dòng chảy, nước nông, bờ kè, luồng hẹp và điều kiện tải đối với con tàu;

- Việc lập tuyến đường, điều động tàu và sự cần thiết có kế hoạch thay thế;

- Các quy trình trực ca buồng lái và phối hợp hiệu quả giữa các thành viên buồng lái khi trực ca, khi điều khiển tàu trong điều kiện bình thường cũng như trong các tình huống nguy cấp;

- Các hình thức thông tin liên lạc hiệu quả.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hải đồ, bảng thủy triều, dòng chảy, danh mục đèn và hướng chạy tàu;

A2 - Thiết bị nghe nhìn: Tivi/hệ thống máy chiếu;

A3 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model Course 1.22.

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng Quản lý nguồn lực buồng lái.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Các nguyên tắc cơ bản	2.0	
2	Làm quen với buồng lái		1.0
3	Các tiêu chuẩn về đặc tính điều động	0.5	2.0
4	Ảnh hưởng của gió và dòng chảy	0.5	2.0
5	Nhận thức về nhiệm vụ	1.0	
6	Nhận thức về văn hóa	1.0	
7	Hướng dẫn tổng quan về nhiệm vụ các thành viên	1.0	
8	Thử thách và phản hồi	1.0	
9	Ảnh hưởng của nước nông	0.5	2.0
10	Ảnh hưởng của bờ kè, luồng hẹp và sự hút nhau	0.5	2.0

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
11	Lập kế hoạch	1.0	
12	Thẩm quyền	1.0	
13	Quản lý buồng lái	2.0	
14	Áp lực công việc và căng thẳng	2.0	
15	Neo và buộc một phao	0.5	2.0
16	Yếu tố con người trong các sai lầm	1.0	
17	Ra quyết định	1.0	
18	Quản lý khủng hoảng	1.0	
19	Lập kế hoạch và thực hiện hải trình trong điều kiện bình thường và nguy cấp	1.5	9.0
20	Kiểm tra, đánh giá	1.0	
		20.0	20.0
Tổng		40 giờ	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 52**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ HOẠC
NGUỒN LỰC BUỒNG MÁY**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về kỹ năng quản lý và tổ chức nguồn lực buồng máy dành cho các sĩ quan máy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực, quản lý khai thác hệ động lực tàu thủy và bảo vệ môi trường.

Nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở các Quy định III/1, III/2 phần Công ước và các Bảng A-III/1, A-III/2, A-VIII/2 và Bảng B-VIII/2 Bộ luật của STCW và các sửa đổi.

2. Mục tiêu

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-III/1 phần quản lý nguồn lực buồng máy trong ca trực buồng máy, Bảng A-III/2 mục kỹ năng quản lý và lãnh đạo của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Có kiến thức và kỹ năng lãnh đạo nhóm và làm việc nhóm;
- Có khả năng thực hiện thành thạo các nhiệm vụ trực ca buồng máy;
- Có khả năng đưa máy chính và các thiết bị phụ trợ vào hoạt động, duy trì chế độ làm việc an toàn và xác định các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành và xử lý sự cố đơn giản;
- Có nhận thức và thái độ đúng đắn đối với việc ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng trở lên.

Học viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng các ngành cùng nhóm ngành, đã hoàn thành khóa bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học, bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng tương ứng được xem xét như học viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chuyên ngành.

Học viên tốt nghiệp hệ trung cấp ngành khai thác máy tàu biển, phải hoàn thành chương trình trung cấp nâng cao tương ứng.

4. Cấp giấy chứng nhận

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện quản lý đội ngũ/nguồn lực buồng máy.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Kiến thức và kỹ năng lãnh đạo nhóm và làm việc nhóm;
- Các nhiệm vụ trực ca buồng máy;

- Sử dụng máy chính và các thiết bị phụ trợ vào hoạt động, duy trì chế độ làm việc an toàn và xác định các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành và xử lý sự cố đơn giản;

- Việc ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Tivi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model Course 2.07 “Engine Rooms Simulator”

R2 - IMO Model Course 1.39 “Leadership and Teamwork”

R3 - IMO Model Course 1.38 “Marine Environmental Awareness”

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng Quản lý nguồn lực buồng máy

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Khái niệm quản lý nguồn lực buồng máy	3.0	
2	Trực ca buồng máy và nhiệm vụ của các sĩ quan máy	3.0	3.0
3	Quản lý an toàn	3.0	
4	An ninh tàu biển và thông tin liên lạc	1.0	
5	Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	4.0	2.0
6	Quản lý kỹ thuật và giám sát hệ động lực	3.0	2.0
7	Ứng phó các tình huống	2.0	10.0
8	Các hình thức kiểm tra và đánh giá tàu biển	2.5	1.0
9	Ôn luyện và kiểm tra hết môn	0.5	
		22.0	18.0
	Tổng	40 giờ	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 53

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
SỬ DỤNG RADAR VÀ ARPA HÀNG HẢI MỨC VẬN HÀNH
(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Khóa huấn luyện sẽ đáp ứng những yêu cầu tối thiểu theo Mục A-II/1 của Bộ luật STCW về “sử dụng Radar và ARPA để duy trì hàng hải an toàn”.

Khóa học bổ sung những quy định của IMO về khai thác sử dụng Radar. Chương trình xây dựng dựa trên quy định 18 và 19 Chương V của SOLAS, Mục A-I-12 và B-I-12 Công ước STCW và tiêu chuẩn về thiết bị Radar cũng như các sửa đổi. Cấu trúc chương trình hoàn toàn dựa trên Model Course 1.07 Ed. 2017 (Radar Navigation at Operational Level - Radar Navigation, Radar Plotting and Use of ARPA)

2. Mục tiêu

Hoàn thành khóa học này, học viên sẽ hiểu biết các kiến thức cơ bản về Radar hàng hải. Nhận biết các sai số có thể xảy ra khi sử dụng Radar hàng hải, các chú ý để khắc phục, phòng ngừa. Nhận biết các yếu tố ngoại cảnh tác động đến hoạt động của Radar hàng hải (điều kiện thời tiết, điều kiện khí tượng), các chú ý và biện pháp phòng ngừa;

Vận dụng các kiến thức về Radar hàng hải để thiết lập màn hình Radar tối ưu, thuận lợi nhất cho việc quan sát;

Sử dụng Radar hàng hải để dẫn tàu an toàn trong mọi hoàn cảnh tầm nhìn xa, mật độ giao thông trên biển, trong luồng. Vận dụng kiến thức về Radar thực hành các phương pháp xác định vị trí tàu (bằng khoảng cách và hướng; bằng 2 khoảng cách...) các sai số tác động và biện pháp làm giảm sai số;

Phối kết hợp việc sử dụng Radar, ARPA cũng như thiết bị AIS để dẫn tàu an toàn;

Sử dụng Radar hàng hải để phòng ngừa va chạm trên biển thông qua các kiến thức về đồ giải. Thông qua kiến thức về đồ giải Radar, kiến thức về COLREG, tiến hành thực hành làm các bài toán đồ giải (trên giấy hoặc trên màn hình radar), tìm các thông tin mục tiêu, đưa ra các phương án điều động phòng ngừa va chạm (đổi hướng đơn thuần/tốc độ đơn thuần hoặc kết hợp);

Thực hành các kỹ năng về Radar/ARPA cũng như AIS khi có sự kết nối tích hợp các hệ thống với nhau; kể cả trên hải đồ điện tử; các sai số mắc phải khi quá tin tưởng vào hệ thống.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải tốt nghiệp các trường có đào tạo chuyên ngành điều khiển tàu biển, hoặc đã hoàn thành chương trình bổ túc tương đương và có thời gian đi biển tối thiểu 6 tháng;

4. Cấp Giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hàng hải Radar - ARPA mức sỹ quan vận hành.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Các sai số có thể xảy ra khi sử dụng Radar hàng hải, các chú ý để khắc phục, phòng ngừa;
- Các yếu tố ngoại cảnh tác động đến hoạt động của Radar hàng hải (điều kiện thời tiết, điều kiện khí tượng), các chú ý và biện pháp phòng ngừa;
- Các kiến thức về Radar hàng hải để thiết lập màn hình Radar tối ưu, thuận lợi nhất cho việc quan sát;
- Sử dụng Radar hàng hải để dẫn tàu an toàn trong mọi hoàn cảnh tầm nhìn xa, mật độ giao thông trên biển, trong luồng;
- Thực hành các phương pháp xác định vị trí tàu (bằng khoảng cách và hướng; bằng 2 khoảng cách...) các sai số tác động và biện pháp làm giảm sai số;
- Sử dụng Radar, ARPA cũng như thiết bị AIS để dẫn tàu an toàn;
- Dùng radar hàng hải để phòng ngừa va chạm trên biển thông qua các kiến thức về đồ giải. Thông qua kiến thức về đồ giải Radar, kiến thức về COLREG, tiến hành thực hành làm các bài toán đồ giải (trên giấy hoặc trên màn hình Radar), tìm các thông tin mục tiêu, đưa ra các phương án điều động phòng ngừa va chạm (đổi hướng đơn thuần/tốc độ đơn thuần hoặc kết hợp);
- Các kỹ năng về Radar/ARPA cũng như AIS khi có sự kết nối tích hợp các hệ thống với nhau; kể cả trên hải đồ điện tử; các sai số mắc phải khi quá tin tưởng vào hệ thống.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hệ thống trình chiếu/tivi

A2 - Videos

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO model course 1.07 on Radar Navigation at operational level.

10. Tài liệu học tập (T)

T1- Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Hàng hải Radar - Arpa mức vận hành.

Phần B: Đề cương và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)		
		Thuyết trình	Giảng giải	Thực hành
1	Lý thuyết cơ bản về Radar hàng hải	12.0		
2	Khai thác và thiết lập chỉ báo Radar theo tài liệu hướng dẫn	6.0	1.0	3.0
3	Sử dụng radar để hàng hải an toàn	3.0	1.0	4.0
4	Đồ giải Radar	6.0	1.0	3.0
5	Các chức năng của hệ thống ARPA hoặc Radar và AIS	3.0		
6	Khai thác các chức năng trên ARPA hoặc Radar cũng như trên AIS	6.0	3.0	12.0
7	Áp dụng COLREG khi sử dụng Radar	1.0	2.0	10.0
8	Đánh giá	1.0		
	Cộng	38	8	32
	Tổng	78		

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 54**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN****SỬ DỤNG RADAR - ARPA HÀNG HẢI MỨC QUẢN LÝ**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Khóa học bổ sung những kiến thức tối thiểu cho người đi biển đối với chức năng: Duy trì hàng hải an toàn thông qua việc sử dụng các thông tin từ các trang thiết bị hàng hải để trợ giúp cho sỹ quan hàng hải ở mức quản lý theo Bảng A-II/2 của Bộ luật STCW.

Khóa học này nhằm huấn luyện việc sử dụng các chức năng của Radar, ARPA/và AIS, nhóm làm việc buông lái và công tác tìm và cứu nạn cho học viên ở mức quản lý trên các tàu có lắp đặt thiết bị Radar. Khóa học này dựa trên chương trình mẫu 1.07 và 7.03 của IMO, bao gồm việc huấn luyện để theo dõi, phân tích và áp dụng các nguồn thông tin từ Radar, đưa ra các hành động phù hợp nhằm hàng hải an toàn và đạt hiệu quả trong công tác tìm và cứu nạn. Từ thiết bị Radar có thể tiến hành: “ lập kế hoạch chuyến đi và dẫn tàu”, “ xác định vị trí và độ chính xác của vị trí xác định thông qua nhiều cách khác nhau”, “phối hợp tìm và cứu”, “thiết lập ca trực và biện pháp tiến hành” cũng như thể hiện các yêu cầu theo phần A-II/2 của Bộ luật STCW. Cấu trúc chương trình hoàn toàn dựa trên Model Course 1.08 Ed. 2018 (Radar Navigation at Management Level - Radar, ARPA, Bridge Teamwork and Search and Rescue).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành khóa học này có kiến thức chuyên môn ở mức quản lý về các vấn đề:

- Nhận thức được khi sử dụng Radar và có thể hỗ trợ sỹ quan trực ca lựa chọn đặt chức năng Radar phù hợp thang tầm xa đối với từng hoàn cảnh và sử dụng các nút bấm tối ưu nhất;

- Nhận thức đầy đủ những hạn chế khi thám sát mục tiêu và có thể đánh giá độ chính xác đối với các thông tin thu nhận và chỉ báo trên thiết bị;
- Hết sức chú ý tới các chức năng xác định vị trí của Radar trong việc dẫn tàu và thận trọng với hiểm nguy khi đổi hướng;
- Biết phối hợp đầy đủ công tác chuẩn bị kế hoạch cho chuyến đi, sử dụng các cách hiệu quả để đảm bảo hoàn thành kế hoạch chuyến đi;
- Hiểu biết và vận dụng tốt quy tắc Quốc tế về phòng ngừa va chạm trên biển, 1972 liên quan đến việc sử dụng Radar;
- Nhận biết sự phát triển của các tình huống và hiệu chỉnh các hiểm nguy tồn tại bằng cách sử dụng Radar để đưa ra các hành động thích đáng, xác định mối nguy hiểm va chạm nhất và xác định thời gian phù hợp để trở về hướng và tốc độ sau khi tránh va chạm, các giả thuyết về thu nhận hướng ngắm là thông tin được ít lựa chọn nhất từ Radar; và;
- Có thể chỉ dẫn cho nhóm buồng lái cách sử dụng Radar để xác định vị trí của mục tiêu nguy hiểm, tiếp cận điểm tìm và cứu bằng cách liên tục thiết lập và đánh giá thông tin từ Radar, đưa ra quyết định phù hợp để đảm bảo phối hợp hoạt động tìm và cứu hữu hiệu nhất.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải:

- Có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hàng hải Radar mức vận hành;
- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn tối thiểu là sỹ quan hàng hải mức trách nhiệm vận hành ngành boong.

4. Cấp giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hàng hải Radar - ARPA mức sỹ quan quản lý.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Sử dụng Radar và có thể hỗ trợ sỹ quan trực ca lựa chọn đặt chức năng radar phù hợp thang tầm xa đối với từng hoàn cảnh và sử dụng các nút tối ưu nhất;

- Những hạn chế khi thám sát mục tiêu và có thể đánh giá độ chính xác đối với các thông tin thu nhận và chỉ báo trên thiết bị;

- Các chức năng xác định vị trí của Radar trong việc dẫn tàu và thận trọng với hiểm nguy khi đổi hướng;

- Chuẩn bị kế hoạch cho chuyến đi, sử dụng các cách hiệu quả để đảm bảo hoàn thành kế hoạch chuyến đi;

- Quy tắc Quốc tế về Phòng ngừa va chạm trên biển, 1972 liên quan đến việc sử dụng Radar;

- Các tình huống và hiệu chỉnh các hiểm nguy tồn tại bằng cách sử dụng radar để đưa ra các hành động thích đáng, xác định mối nguy hiểm va chạm nhất và xác định thời gian phù hợp để trở về hướng và tốc độ sau khi tránh va chạm, các giả thuyết về thu nhận hướng ngắm là thông tin được ít lựa chọn nhất từ Radar; và;

- Cách sử dụng Radar để xác định vị trí của mục tiêu nguy hiểm, tiếp cận điểm tìm và cứu bằng cách liên tục thiết lập và đánh giá thông tin từ Radar, đưa ra quyết định phù hợp để đảm bảo phối hợp hoạt động tìm và cứu hữu hiệu nhất.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hệ thống trình chiếu/ti vi

A2 - Videos

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO model course 1.08 on Radar Navigation at Management Level.

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Hàng hải radar mức quản lý.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Hiệu quả của thiết bị radar và các nguồn liên quan	1.0	2.0
2	Sử dụng Radar trong dẫn tàu	3.0	9.0
3	Sử dụng Radar trong phòng tránh va chạm	3.0	9.0
4	Sử dụng Radar trong tìm và cứu nạn	3.0	5.0
5	Đánh giá		1.0
	Cộng	10	26
	Tổng	36	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 55

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CHỈ BÁO HẢI ĐỒ ĐIỆN TỬ (ECDIS)

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện

1. Mục đích

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các sỹ quan và thuyền viên về khai thác sử dụng hệ thống thông tin chỉ báo và hải đồ điện tử (ECDIS), đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở mục A-II/1, A-II/2, A-II/3, B-I, B-II của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

2. Mục tiêu

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-II/1, A-II/2, A-II/3 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Hiểu biết về khả năng và những giới hạn đối với các hoạt động của hệ thống ECDIS;
- Sử dụng thành thạo, giải thích và phân tích thông tin của hệ thống ECDIS;
- Quản lý các quy trình vận hành, các tệp hệ thống và dữ liệu, và các nội dung liên quan;
- Sử dụng chức năng phát lại (Playback) của ECDIS để kiểm tra, lập tuyến hàng hải và kiểm tra các chức năng khác của hệ thống.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ hàng hải Radar - ARPA mức sỹ quan vận hành.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ khai thác hệ thống thông tin và chỉ báo hải đồ điện tử (ECDIS).

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn hoặc công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Những giới hạn đối với các hoạt động của hệ thống ECDIS;
- Khai thác, trình bày diễn giải, và phân tích thông tin của hệ thống ECDIS;
- Quản lý quá trình vận hành, các tệp (files) hệ thống và dữ liệu, và các nội dung liên quan.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Máy chiếu/ti vi.

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO model course 1.27

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ khai thác hệ thống thông tin và chỉ báo Hải đồ điện tử (ECDIS).

PHẦN B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Giới thiệu về khóa học	0.5	
2	Các thành phần của hải đồ điện tử	7.0	2.0
3	Trực canh với hệ thống hải đồ điện tử	7.0	2.0
4	Lập tuyến hàng hải và giám sát hành trình trên hải đồ điện tử	7.0	2.0
5	Mục tiêu, hải đồ và hệ thống của hải đồ điện tử	4.5	2.0
6	Trách nhiệm của hải đồ điện tử	3.0	
7	Đánh giá kết thúc khóa huấn luyện	1.0	2.0
Cộng		30.0	10.0
Tổng cộng		40	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 56**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các huấn luyện viên và sỹ quan hàng hải, những người có trách nhiệm và nhiệm vụ trực tiếp huấn luyện thuyền viên trên bờ và dưới tàu, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-I/6 và A-I/8 của Bộ luật STCW.

2. Mục tiêu

Mục tiêu của chương trình là đào tạo các huấn luyện viên có phương pháp luận, định hướng lập kế hoạch, công tác chuẩn bị trước khi huấn luyện, trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn học viên một cách có hiệu quả, bao gồm việc lựa chọn các phương pháp hướng dẫn, sử dụng phương tiện và tài liệu phục vụ huấn luyện hiệu quả và có năng lực đánh giá quá trình dạy và học.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Các học viên muốn tham gia chương trình huấn luyện phải có:

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan vận hành boong, máy tàu biển và sỹ quan kỹ thuật điện tàu biển trở lên;
- Các học viên không tốt nghiệp các chuyên ngành hàng hải nhưng được tham gia vào công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc máy trưởng tàu biển;

- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;

- Kiểm tra vấn đáp;

- Kiểm tra trắc nghiệm;

- Đánh giá thực hành.

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Các yêu cầu của Công ước và Bộ luật STCW về công tác đào tạo huấn luyện viên;

+ Các yếu tố ảnh hưởng đến việc huấn luyện và học tập của học viên;

+ Tạo dựng môi trường huấn luyện hiệu quả;

+ Các phương tiện được sử dụng để hỗ trợ giảng dạy, huấn luyện;

+ Lựa chọn phương tiện hỗ trợ huấn luyện thích hợp;

- + Trách nhiệm của các huấn luyện viên trong công tác huấn luyện;
- + Các phương pháp giảng dạy hiệu quả phù hợp với nhu cầu của các học viên;
- + Các yếu tố cần xem xét khi xây dựng bài huấn luyện;
- + Lợi ích của việc đánh giá;
- + Các phương pháp đánh giá huấn luyện;
- + Các yếu tố cần đề cập khi xây dựng một chương trình huấn luyện;
- + Xây dựng một chương trình huấn luyện mới.

8. Thiết bị trợ giảng dạy (A)

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

9. Tài liệu tham khảo theo IMO (R)

R1 - IMO Model course 6.09

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng huấn luyện Huấn luyện viên chính

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Tóm tắt Công ước và Bộ luật STCW, các yêu cầu dựa trên đó để huấn luyện	2	0
2	Tạo lập môi trường giảng dạy hiệu quả	5	4
3	Các phương tiện hỗ trợ huấn luyện	3	8
4	Sử dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả	6	10
5	Xây dựng một bài huấn luyện	3	6
6	Đánh giá việc dạy và học	2	4
7	Thiết kế một chương trình huấn luyện	3	3
8	Đánh giá	1	
	Cộng	25	35
	Tổng cộng	60	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 57**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CƠ BẢN THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC
TRÊN TÀU CAO TỐC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện

Đây là chương trình khung được ban hành thỏa mãn các yêu cầu cơ bản của Bộ luật HSC 2000 và các sửa đổi về huấn luyện cho thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc. Các cơ sở đào tạo căn cứ vào từng khóa đào tạo cụ thể, loại tàu, cỡ tàu và tuyến hành trình để xây dựng nội dung huấn luyện phù hợp.

1. Mục đích

Chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu cao tốc được xây dựng để đào tạo, huấn luyện cho thủy thủ, thợ máy và các chức danh khác không phải là sỹ quan làm việc trên tàu cao tốc hoạt động trong vùng biển Việt Nam và Quốc tế, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của Bộ luật quốc tế về an toàn tàu cao tốc (HSC 2000 Code) và các sửa đổi. Đồng thời chương trình cũng thỏa mãn các yêu cầu của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên (STCW 1978) và các sửa đổi, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974/2004) và Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn trên biển (SAR 1979).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản để làm việc an toàn trên tàu cao tốc, cụ thể là:

- Thiết bị cứu sinh trên tàu cao tốc;
- Lối thoát hiểm và hệ thống sơ tán người trên tàu cao tốc;
- Hệ thống cứu hỏa trên tàu cao tốc;
- Hệ thống chống ngập trên tàu cao tốc;
- Hoạt động làm hàng trên tàu cao tốc;
- Các phương pháp liên lạc và kiểm soát hành khách trong trường hợp khẩn cấp;
- Vị trí và cách sử dụng các thiết bị khác được liệt kê trong sổ tay huấn luyện.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

4. Cấp giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu cao tốc.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên và phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng không hạn chế;

- Có kinh nghiệm tối thiểu 3 tháng làm việc trên tàu cao tốc tương tự hay tương đương với loại tàu mà thuyền viên dự định tham gia học hoặc có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu cao tốc;

- Có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;

- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Tổng quan, một số thuật ngữ và định nghĩa về an toàn làm việc trên tàu cao tốc;
- Thiết bị cứu sinh của tàu;
- Lối thoát hiểm và hệ thống sơ tán người trên tàu cao tốc;
- Hệ thống cứu hỏa trên tàu cao tốc;
- Hệ thống chống ngập trên tàu cao tốc;
- Hoạt động làm hàng trên tàu cao tốc;
- Các phương pháp liên lạc và kiểm soát hành khách trong trường hợp khẩn cấp;
- Vị trí và cách sử dụng các thiết bị khác được liệt kê trong sổ tay huấn luyện.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

- A1. Hướng dẫn cho huấn luyện viên (Phần D);
- A2. Máy tính, TV hoặc đèn chiếu;
- A3. Video (V);

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1. Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên (STCW 1978) và các sửa đổi;

R2. Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974) và các sửa đổi;

R4. Bộ luật về thực hành an toàn chất xếp và cố định hàng hóa;

R5. IMO Resolution A.581 (14): Hướng dẫn cho việc cố định hàng hóa là phương tiện đường bộ trên tàu Ro-Ro;

R7. Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code) và các sửa đổi;

R8. IMO Resolution A.770 (18): Các yêu cầu huấn luyện tối thiểu đối với những người được chỉ định hỗ trợ hành khách trong tình huống khẩn cấp trên tàu khách;

R9. IMO Intact Stability 2008;

R10. LSA Code;

R11. FSS Code.

R12. Bộ luật quốc tế về an toàn tàu cao tốc (HSC 2000 Code), các sửa đổi và các tài liệu khác liên quan.

10. Tài liệu học tập (T)

T1. Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Cơ bản tàu cao tốc.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Chương trình	Số giờ	
		LT	TH
1	Mở đầu	2	
2	Thiết bị cứu sinh của tàu	2	2
3	Lối thoát hiểm và hệ thống sơ tán người trên tàu cao tốc	4	
4	Hệ thống cứu hỏa trên tàu cao tốc	2	2
5	Hệ thống chống ngập trên tàu cao tốc	4	
6	Hoạt động làm hàng trên tàu cao tốc	8	
7	Các phương pháp liên lạc và kiểm soát hành khách trong trường hợp khẩn cấp	4	
8	Vị trí và cách sử dụng các thiết bị khác được liệt kê trong sổ tay huấn luyện	2	2
9	Thực hành trên mô phỏng		6
10	Thực hành trên tàu cao tốc phù hợp		15
11	Đánh giá	1	
Cộng		29	27
Tổng cộng		56	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 58**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NÂNG CAO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC
TRÊN TÀU CAO TỐC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện

Đây là chương trình khung được ban hành thỏa mãn các yêu cầu cơ bản của Bộ luật HSC 2000 và các sửa đổi về huấn luyện cho thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc. Các cơ sở đào tạo căn cứ vào từng khóa đào tạo cụ thể, loại tàu, cỡ tàu và tuyến hành trình để xây dựng nội dung huấn luyện phù hợp.

1. Mục đích

Chương trình huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu cao tốc được xây dựng để đào tạo, huấn luyện cho thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan làm việc trên tàu cao tốc hoạt động trong vùng biển Việt Nam và Quốc tế, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của Bộ luật quốc tế về an toàn tàu cao tốc (HSC 2000 Code) và các sửa đổi. Đồng thời chương trình cũng thỏa mãn các yêu cầu của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên (STCW 1978) và các sửa đổi, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974/2004) và Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn trên biển (SAR1979).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản để làm việc an toàn trên tàu cao tốc, cụ thể là:

- Kiến thức về hệ thống động lực và máy phụ;
- Hiểu được chế độ sự cố hệ thống điều khiển, máy lái và động lực;
- Hiểu biết về hệ thống thiết bị hàng hải;
- Hiểu được các đặc tính điều khiển tàu và giới hạn khai thác;
- Hiểu được các quy trình buồng lái;
- Tính được ổn định của tàu trong các điều kiện tải trọng khác nhau;
- Hiểu biết về các thiết bị an toàn trên tàu, lối thoát hiểm và hệ thống sơ tán hàng hải;

- Nắm được các hoạt động làm hàng trên tàu cao tốc;
- Các phương pháp liên lạc và kiểm soát hành khách trong trường hợp khẩn cấp.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải:

- Hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc;
- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan hạng tương đương hoặc cao hơn với cấp của tàu cao tốc mà học viên dự định tham gia học để nhận chứng chỉ;
- Đối với tàu cao tốc sử dụng động cơ tuabin khí, các sỹ quan máy phải có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện về tuabin khí đã được phê duyệt cho loại máy tương tự trang bị trên tàu cao tốc;

4. Cấp Giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu cao tốc.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn hoặc công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên và phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng không hạn chế;

- Có kinh nghiệm tối thiểu 3 tháng làm việc trên tàu cao tốc tương tự hay tương đương với loại tàu mà thuyền viên dự định tham gia học hoặc có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu cao tốc;

- Có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Tổng quan, một số thuật ngữ và định nghĩa về an toàn làm việc trên tàu cao tốc;

- Hệ thống động lực và hệ thống máy phụ trên tàu cao tốc;
- Chế độ sự cố hệ thống điều khiển máy lái và động lực;
- Hệ thống thiết bị hàng hải;
- Các đặc tính điều khiển và các điều kiện giới hạn khai thác;
- Các quy trình buồng lái;
- Ổn định tàu;
- Thiết bị cứu sinh của tàu;
- Lối thoát hiểm và hệ thống sơ tán người trên tàu cao tốc;
- Hệ thống cứu hỏa trên tàu cao tốc;
- Hệ thống chống ngập trên tàu cao tốc;
- Hoạt động làm hàng trên tàu cao tốc;

- Các phương pháp liên lạc và kiểm soát hành khách trong trường hợp khẩn cấp;

- Vị trí và cách sử dụng các thiết bị khác được liệt kê trong sổ tay huấn luyện.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1. Hướng dẫn cho huấn luyện viên (Phần D);

A2. Máy tính, TV hoặc đèn chiếu;

A3. Video (V);

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1. Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên (STCW 1978) và các sửa đổi;

R2. Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974) và các sửa đổi;

R4. Bộ luật về thực hành an toàn chất xếp và cố định hàng hóa;

R5. IMO Resolution A.581 (14): Hướng dẫn cho việc cố định hàng hóa là phương tiện đường bộ trên tàu Ro-Ro;

R6. Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code) và các sửa đổi;

R7. IMO Resolution A.770 (18): Các yêu cầu huấn luyện tối thiểu đối với những người được chỉ định hỗ trợ hành khách trong tình huống khẩn cấp trên tàu khách;

R8. IMO Intact Stability 2008;

R9. LSA Code;

R10. FSS Code.

R11. Bộ luật quốc tế về an toàn tàu cao tốc (HSC 2000 Code) các sửa đổi và các tài liệu khác liên quan.

10. Tài liệu học tập (T)

T1. Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Nâng cao tàu cao tốc.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Chương trình	Số giờ	
		LT	TH
1	Mở đầu	2	

STT	Chương trình	Số giờ	
		LT	TH
2	Hệ thống động lực và hệ thống máy phụ trên tàu cao tốc	10	6
3	Chế độ sự cố hệ thống điều khiển máy lái và động lực	4	
4	Hệ thống thiết bị hàng hải	4	
5	Các đặc tính điều khiển và các điều kiện giới hạn khai thác	4	
6	Các quy trình buông lái	4	
7	Ổn định tàu	8	
8	Thiết bị cứu sinh của tàu	2	2
9	Lối thoát hiểm và hệ thống sơ tán người trên tàu cao tốc	4	
10	Hệ thống cứu hỏa trên tàu cao tốc	2	2
11	Hệ thống chống ngập trên tàu cao tốc	2	
12	Hoạt động làm hàng trên tàu cao tốc	8	
13	Các phương pháp liên lạc và kiểm soát hành khách trong trường hợp khẩn cấp	4	
14	Vị trí và cách sử dụng các thiết bị khác được liệt kê trong sổ tay huấn luyện	2	2
15	Thực hành trên mô phỏng		8
16	Thực hành trên tàu cao tốc phù hợp		15
17	Đánh giá	1	
Cộng		61	35
Tổng cộng		96	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 59**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CƠ BẢN THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC
TRÊN TÀU HOẠT ĐỘNG Ở CÁC VÙNG NƯỚC CỰC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu hoạt động ở các vùng nước cực được xây dựng để đào tạo, huấn luyện cho thuyền trưởng, đại phó và các sỹ quan trực ca hàng hải những kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm vận hành tàu an toàn khi chúng hoạt động ở các vùng nước cực khắc nghiệt, hẻo lánh và nguy hiểm.

Chương trình huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu bắt buộc tối thiểu của quy định A-V/4-1 trong Bộ luật STCW và các sửa đổi; Bộ luật quốc tế về hoạt động của tàu ở các vùng nước cực (Polar Code). Đồng thời chương trình cũng đáp ứng các yêu cầu của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 1973/1978) và các sửa đổi, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974/2004) và Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn trên biển (SAR 1979).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện này sẽ được trang bị những kiến thức, kỹ năng về:

- Vận hành tàu an toàn khi hoạt động ở các vùng nước cực;
- Hiểu biết cơ bản về đặc điểm của băng và các khu vực có các loại băng có thể xuất hiện trong vùng hoạt động;
- Hiểu biết về hoạt động của tàu trong băng và nhiệt độ không khí thấp;
- Hiểu biết về các vận hành và điều động tàu an toàn trong băng;
- Nhận thức về công tác kiểm tra và đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu luật pháp;
- Hiểu biết để áp dụng thực tiễn làm việc an toàn, ứng phó với các tình huống khẩn cấp;

- Hiểu biết và nhận thức về công tác chuẩn bị của thuyền viên đúng cách, các điều kiện làm việc và an toàn;

- Hiểu biết về sự cần thiết để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu phòng ngừa ô nhiễm và ngăn ngừa các nguy hiểm cho môi trường;

- Hiểu biết các kỹ năng thực hiện điều động, vận hành an toàn trong các vùng nước cực.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc đại phó hoặc sỹ quan vận hành boong.

4. Cấp giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu hoạt động ở các vùng nước cực.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên và phải:

- Có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng không hạn chế;

- Có kinh nghiệm tối thiểu 3 tháng làm việc trên tàu hoạt động ở các vùng nước cực hoặc có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ Cơ bản tàu hoạt động ở các vùng nước cực;

- Có giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá

- Kiến thức cơ bản về băng;
- Quy định và Tiêu chuẩn về tàu hoạt động ở vùng nước cực;
- Các đặc tính của tàu hoạt động ở vùng nước cực;
- Điều động tàu trong băng;
- Lập kế hoạch và báo cáo hành trình;
- Kiến thức cơ bản về tàu phá băng;
- Hoạt động của tàu ở vùng nước cực/nhiệt độ không khí thấp;
- Các chuẩn bị và lưu ý về làm việc an toàn;
- Các lưu ý và biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1. Sổ tay hướng dẫn (Phần D của khóa học);

A2. Video: NAVIGATING IN ICE (Videotel).

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1- IMO model course 7.11.

10. Tài liệu học tập (T)

T1. Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Cơ bản tàu hoạt động ở các vùng nước cực.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Chương trình	Số giờ	
		LT	TH
1	Giới thiệu khóa học, phân loại, đặc điểm và phát hiện băng	5.0	
2	Quy định và Tiêu chuẩn về tàu hoạt động ở vùng nước cực	4.0	
3	Các đặc tính của tàu hoạt động ở vùng nước cực	2.0	
4	Điều động tàu trong băng	6.0	4.0
5	Lập kế hoạch và báo cáo hành trình	2.0	
6	Hỗ trợ của tàu phá băng	2.0	3.0
7	Hoạt động của tàu ở vùng nước cực/nhiệt độ không khí thấp	2.0	
8	Chuẩn bị của thủy thủ, điều kiện làm việc và an toàn	2.0	
9	Môi trường	1.0	
10	Đánh giá	1.0	
Cộng		27	7
Tổng cộng		34	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 60**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NÂNG CAO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC
TRÊN TÀU HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC VÙNG NƯỚC CỰC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu hoạt động ở các vùng nước cực được xây dựng để đào tạo, huấn luyện cho thuyền trưởng, đại phó và các sỹ quan trực ca hàng hải những kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm vận hành tàu an toàn khi chúng hoạt động ở các vùng nước cực khắc nghiệt, hẻo lánh và nguy hiểm.

Chương trình huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu bắt buộc tối thiểu của quy định A-V/4-2 trong Bộ luật STCW và các sửa đổi; Bộ luật quốc tế về hoạt động của tàu ở các vùng nước cực (Polar Code). Đồng thời chương trình cũng đáp ứng các yêu cầu của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 1973/1978) và các sửa đổi, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974) và Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn trên biển (SAR 79).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện này sẽ được trang bị những kiến thức, kỹ năng về:

- Hiểu biết về các yêu cầu cơ bản đối với cấu trúc, ổn định, máy móc, thiết bị cứu sinh, phòng tránh hỏa hoạn, lập kế hoạch chuyến đi, tuyến chạy tàu, hệ thống và thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc, thiết bị phòng chống ô nhiễm, hệ thống quản lý an toàn và trách nhiệm như được áp dụng cho các loại và cỡ tàu khác nhau mà chúng có thể thực hiện chuyến hành trình vào vùng nước cực;

- Có khả năng góp phần vào khai thác an toàn của tàu khi hoạt động ở vùng cực.

- Hiểu các đặc tính của băng và các khu vực nơi các loại băng khác nhau có thể xuất hiện trong vùng hoạt động;

- Hiểu về sự hoạt động của tàu trong băng và nhiệt độ không khí thấp;

- Hiểu về các các hoạt động an toàn và điều động tàu trong băng;
- Nhận biết để kiểm tra và tuân thủ các yêu cầu luật pháp;
- Hiểu để áp dụng thực tiễn làm việc an toàn, trách nhiệm trong tình huống khẩn cấp;
- Hiểu và nhận biết đúng cách về công tác chuẩn bị cho thuyền viên, các điều kiện làm việc và an toàn;
- Hiểu được sự cần thiết phải tuân thủ các yêu cầu phòng ngừa ô nhiễm và ngăn ngừa nguy hiểm cho môi trường; và
- Hiểu các kỹ năng về thực hiện điều động để khai thác an toàn trong vùng nước cực.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc đại phó hoặc sỹ quan vận hành boong;
- Có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu hoạt động ở các vùng nước cực;
- Có ít nhất 2 tháng làm việc trên tàu hoạt động ở vùng nước cực hoặc tương đương.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ Nâng cao tàu hoạt động ở các vùng nước cực.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên và phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng không hạn chế;
- Có kinh nghiệm tối thiểu 3 tháng làm việc trên tàu hoạt động ở các vùng nước cực hoặc có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu hoạt động ở các vùng nước cực;
- Có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá

- Các đặc tính điều động tàu;
- Điều động tàu trong vùng băng;
- Lập kế hoạch hành trình;
- Các hoạt động của tàu phá băng;
- Công tác chuẩn bị của thuyền viên, các điều kiện làm việc và công tác an toàn.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

- A1. Sổ tay hướng dẫn (Phần D của khóa học);
- A2. Video: NAVIGATING IN ICE (Videotel).

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO model course 7.12 on Advanced training for ships operating in polar waters và các tài liệu khác liên quan.

10. Tài liệu học tập (T)

T1. Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu hoạt động ở các vùng nước cực.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung chương trình	Số giờ	
		LT	TH
1	Giới thiệu chương trình, các quy định, các tiêu chuẩn và các tài liệu trên tàu	3.0	
2	Các đặc tính điều động tàu	1.0	
3	Điều động tàu trong vùng băng	4.0	
4	Lập kế hoạch hành trình	4.0	
5	Các hoạt động của tàu phá băng	3.0	
6	Công tác chuẩn bị của thuyền viên, các điều kiện làm việc và công tác an toàn	3.0	
7	Ví dụ về các bài tập cho học viên (Mô phỏng)		12.0
8	Đánh giá	2.0	
	Cộng	20	12
	Tổng cộng	32	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 61**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CƠ BẢN THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC
TRÊN TÀU SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU CÓ ĐIỂM CHÁY THẤP
THEO BỘ LUẬT IGF**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu theo Bộ luật IGF được xây dựng để đào tạo, huấn luyện cho các thuyền viên chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ an toàn cụ thể liên quan đến việc bảo quản, sử dụng hoặc ứng phó tình huống khẩn cấp đối với nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật quốc tế về an toàn cho tàu sử dụng nhiên liệu có điểm bắt cháy thấp (IGF Code).

Chương trình huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu bắt buộc tối thiểu của quy định A-V/3-1 trong Bộ luật STCW và các sửa đổi; Bộ luật quốc tế (IGF Code). Đồng thời chương trình cũng đáp ứng các yêu cầu của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 1973/1978) và các sửa đổi, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974) và Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn trên biển (SAR 1979).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện này phải đạt được các năng lực sau:

- Vận hành tàu an toàn theo Bộ luật IGF;
- Thực hiện các lưu ý để ngăn ngừa các nguy hiểm trên các tàu theo Bộ luật IGF;
- Áp dụng các chú ý và biện pháp an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Thực hiện các hoạt động dập cháy trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Ứng phó với các tình huống khẩn cấp;
- Thực hiện các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ việc rò rỉ nhiên liệu được phát hiện trên tàu theo Bộ luật IGF.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu theo Bộ luật IGF.

Những học viên đã có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản hoặc nâng cao tàu khí hóa lỏng được tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu theo Bộ luật IGF.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên và phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng không hạn chế;

- Có kinh nghiệm tối thiểu 3 tháng làm việc trên tàu theo Bộ luật IGF hay tương đương hoặc có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu theo Bộ luật IGF;

- Có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Kiến thức cơ bản, hiểu biết về vận hành an toàn tàu theo Bộ luật IGF;
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa các mối nguy hiểm trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Áp dụng các chú ý và biện pháp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Thực hiện các hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát và dập cháy trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nhiên liệu rò rỉ từ các tàu theo Bộ luật IGF.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1. Hướng dẫn cho huấn luyện viên (phần D của chương trình);

A2. Các bản trình chiếu hoặc hình ảnh.

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1. IMO model course 7.13 on Basic training for masters, officers, ratings and other personnel on ships subject to the IGF Code.

10. Tài liệu học tập (T)

T1. Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Cơ bản tàu theo Bộ luật IGF.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Số giờ	
		LT	TH
1	Vận hành an toàn tàu theo Bộ luật IGF	6.0	
2	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa các mối nguy hiểm trên tàu theo Bộ luật IGF	4.0	
3	Áp dụng các chú ý và biện pháp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	4.0	
4	Thực hiện các hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát và dập cháy trên tàu theo Bộ luật IGF	4.0	4.0
5	Ứng phó với tình huống khẩn cấp	4.0	
6	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường do nhiên liệu rò rỉ từ các tàu theo Bộ luật IGF	4.0	
7	Đánh giá	2.0	
Cộng		28	4
Tổng cộng		32	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 62**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NÂNG CAO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC
TRÊN TÀU SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU CÓ ĐIỂM CHÁY THẤP THEO
BỘ LUẬT IGF**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**1. Mục đích**

Chương trình huấn luyện nghiệp vụ Nâng cao tàu theo Bộ luật IGF được xây dựng để đào tạo, huấn luyện cho các thuyền trưởng, máy trưởng, các sỹ quan và tất cả những thuyền viên chịu trách nhiệm về an toàn, quản lý, sử dụng hoặc ứng phó tình huống khẩn cấp đối với nhiên liệu trên các tàu theo Bộ luật quốc tế về an toàn cho tàu sử dụng nhiên liệu có điểm bắt lửa thấp (IGF Code).

Chương trình huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu bắt buộc tối thiểu của Quy định A-V/3-2 trong Bộ luật STCW và các sửa đổi; Bộ luật quốc tế (IGF Code). Đồng thời chương trình cũng đáp ứng các yêu cầu của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 1973/1978) và các sửa đổi, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS 1974) và Công ước quốc tế về tìm kiếm cứu nạn trên biển (SAR 1979).

2. Mục tiêu

Các học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện này phải đạt được các năng lực sau:

- Làm quen với các thuộc tính vật lý và hóa học của nhiên liệu trên các tàu theo Bộ luật IGF;
- Kiểm soát hoạt động nhiên liệu liên quan đến thiết bị đẩy và các hệ thống máy móc cũng như các dịch vụ và thiết bị an toàn trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Khả năng thể hiện vận hành và kiểm tra an toàn tất cả các hoạt động liên quan đến nhiên liệu sử dụng trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Lập kế hoạch và kiểm tra công tác giao nhận, chất xếp và cố định nhiên liệu an toàn trên tàu theo Bộ luật IGF;

- Các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do rò rỉ nhiên liệu từ tàu theo Bộ luật IGF;
- Kiểm tra và kiểm soát việc tuân thủ luật;
- Các lưu ý để ngăn ngừa các nguy hiểm;
- Áp dụng các chú ý và biện pháp an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Kiến thức về ngăn ngừa, kiểm soát, dập cháy và các hệ thống dập cháy trên tàu theo Bộ luật IGF.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải:

- Là thuyền trưởng, máy trưởng, các sỹ quan và tất cả những người chịu trách nhiệm trực tiếp về bảo quản, sử dụng nhiên liệu và hệ thống nhiên liệu trên các tàu sử dụng nhiên liệu có điểm bắt cháy thấp;
- Có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản tàu theo Bộ luật IGF; hoặc cơ bản tàu Gas; hoặc nâng cao tàu Gas.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Học viên sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học nâng cao tàu theo Bộ luật IGF.

Để được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu theo Bộ luật IGF, học viên phải:

- Có ít nhất 3 tháng làm việc trên tàu sử dụng nhiên liệu được quy định trong bộ luật IGF; hoặc có 1 tháng được huấn luyện theo chương trình được thừa nhận trên tàu sử dụng nhiên liệu được quy định trong bộ luật IGF, trong đó có tối thiểu 03 lần tiếp nhận nhiên liệu, 02 trong 03 lần tiếp nhận nhiên liệu này có thể thay thế bằng việc học trên hệ thống mô phỏng được phê duyệt; hoặc
- Những học viên đã có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu khí hóa lỏng đáp ứng một trong các yêu cầu sau được tham gia kiểm tra hoặc đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu theo Bộ luật IGF:

+ Có 03 tháng làm việc trong khoảng 5 năm trước trên các loại tàu bồn chở hàng, nhiên liệu được quy định trong bộ luật IGF; hoặc tàu sử dụng khí gas có nhiệt độ bắt cháy thấp như nhiên liệu chính của tàu;

+ Hoặc tham gia 03 lần nhận hoặc trả hàng trên tàu khí hóa lỏng; hoặc tham gia hoàn thành 03 lần tiếp nhận nhiên liệu trên tàu tuân thủ Bộ luật IGF, 02 trong 03 lần tiếp nhận nhiên liệu này có thể thay thế bằng việc học trên hệ thống mô phỏng được phê duyệt;

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên và phải:

- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng không hạn chế;

- Có kinh nghiệm tối thiểu 3 tháng làm việc trên tàu theo Bộ luật IGF hay tương đương hoặc có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao tàu theo Bộ luật IGF;

- Có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm thi hoặc kiểm tra: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

Nội dung đánh giá:

- Các thuộc tính vật lý và hóa học của nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Hoạt động kiểm soát nhiên liệu liên quan đến thiết bị đẩy, hệ thống máy móc và dịch vụ, thiết bị an toàn trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Khả năng thực hiện và kiểm tra an toàn các hoạt động nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Lập kế hoạch và kiểm tra an toàn việc giao nhận, bố trí và cố định nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm do thải nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Kiểm tra và kiểm soát theo các yêu cầu của luật;
- Các lưu ý để ngăn ngừa nguy hiểm;
- Áp dụng các chú ý và biện pháp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trên tàu theo Bộ luật IGF;
- Kiến thức về ngăn ngừa, kiểm soát và dập cháy, các hệ thống dập cháy trên các tàu theo Bộ luật IGF.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

- A1. Hướng dẫn cho huấn luyện viên (phần D của chương trình);
- A2. Các bản trình chiếu hoặc hình ảnh.

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1. IMO model course 7.14 on Advanced training for masters, officers, ratings and other personnel on ships subject to the IGF Code.

10. Tài liệu học tập (T)

- T1. Bài giảng huấn luyện nghiệp vụ Nâng cao tàu theo Bộ luật IGF.

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Số giờ	
		LT	TH
1	Các thuộc tính vật lý và hóa học của nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF	2	
2	Hoạt động kiểm soát nhiên liệu liên quan đến thiết bị đẩy, hệ thống máy móc và dịch vụ, thiết bị an toàn trên tàu theo Bộ luật IGF	2	
3	Khả năng thực hiện và kiểm tra an toàn các hoạt động nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF	6	
4	Lập kế hoạch và kiểm tra an toàn việc giao nhận, bố trí và cố định nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF	6	4
5	Các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm do thải nhiên liệu trên tàu theo Bộ luật IGF	2	
6	Kiểm tra và kiểm soát theo các yêu cầu của luật	2	
7	Các lưu ý để ngăn ngừa nguy hiểm	4	
8	Áp dụng các chú ý và biện pháp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trên tàu theo Bộ luật IGF	2	1
9	Kiến thức về ngăn ngừa, kiểm soát và dập cháy, các hệ thống dập cháy trên các tàu theo Bộ luật IGF	1	2
10	Mô phỏng		4
11	Đánh giá	2	
Cộng		29	11
Tổng cộng		40	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 63**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN SỸ QUAN AN TOÀN TÀU BIỂN**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phần A: Cấu trúc chương trình**1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các huấn luyện viên và sỹ quan hàng hải, những người có trách nhiệm và nhiệm vụ trực tiếp huấn luyện thuyền viên trên bờ và dưới tàu, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-II/2 và A-III/2 của Bộ luật STCW.

2. Mục tiêu

Mục tiêu của chương trình là đào tạo các sỹ quan an toàn tàu biển có phương pháp, có hiểu biết và kỹ năng tổng thể các vấn đề an toàn trong quá trình vận hành khai thác tàu biển.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải: Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan vận hành boong, máy tàu biển trở lên.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận sỹ quan an toàn tàu biển.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc máy trưởng tàu biển.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

+ Các phương pháp kiểm tra giám định tàu để phát hiện những hiểm họa tiềm ẩn ảnh hưởng đến an toàn của tàu và thuyền viên;

+ Giám sát kiểm tra để đảm bảo rằng các quy trình làm việc trên tàu tuân thủ hệ thống quản lý an toàn. Duy trì trạng thái sẵn sàng và bảo quản thiết bị an toàn trên tàu;

+ Công tác huấn luyện an toàn trên tàu, tổ chức họp an toàn trên tàu;

+ Phương pháp đánh giá rủi ro; Yếu tố con người trong các tai nạn sự cố hàng hải;

+ Công tác báo cáo cận nguy và báo cáo tai nạn hàng hải.

8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Tivi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model course 3.11

10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng huấn luyện Sĩ quan an toàn tàu biển

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Nhận thức về yêu cầu huấn luyện sỹ quan an toàn theo các bộ luật và công ước của IMO.	2	
2	Các yêu cầu về quản lý an toàn.	1	
3	Những nguy hiểm tiềm ẩn trong quá trình khai thác tàu.	1	
4	Vai trò và nhiệm vụ của sỹ quan an toàn trên tàu.	1	
5	Tầm quan trọng của việc tổ chức họp an toàn định kỳ trên tàu và cách thức triển khai cuộc họp an toàn.	1	2
6	Công tác huấn luyện an toàn trên tàu.	2	2
7	Giới thiệu về Bộ luật điều tra tai nạn (The Casualty Investigation Code).	1	
8	Yếu tố con người trong các tai nạn sự cố hàng hải.	2	
9	Duy trì trạng thái sẵn sàng và bảo quản thiết bị an toàn trên tàu.	1	1
10	Sẵn sàng đối phó với các tình huống nguy cấp trên biển	1	1
11	Phương pháp đánh giá rủi ro.	2	2
12	Công tác báo cáo cận nguy và báo cáo tai nạn hàng hải	1	
	Cộng	16	8
	Tổng	24	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 64**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN BẾP TRƯỞNG, CẤP DƯỠNG**
(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)**Phần A: Cấu trúc chương trình****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho các học viên về vệ sinh an toàn thực phẩm và nấu ăn trên tàu biển nhằm đáp ứng các yêu cầu tại quy định 3.2, tiêu chuẩn 3.2 và hướng dẫn 3.2 của Công ước lao động hàng hải 2006 (MLC 2006).

2. Mục tiêu

Khi hoàn thành khóa huấn luyện, học viên phải đạt được kiến thức, kỹ năng về:

- Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam và Công ước MLC 2006 về thực phẩm và chế biến bữa ăn;

- Phòng, chống các bệnh do thực phẩm;

- Vệ sinh thực phẩm;

- Vệ sinh cá nhân;

- Dinh dưỡng và sức khỏe;

- Sức khỏe và an toàn trong khu vực bếp;

- Sơ cứu tai nạn, phòng cháy chữa cháy trong bếp;

- Xử lý rác thải từ bếp, kiểm soát côn trùng, chuột;

- Quản lý, vệ sinh khu vực bếp, nhà ăn và các kho;

- Các vấn đề liên quan về văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ;

- Lập kế hoạch thực phẩm cho chuyến đi;

- Kỹ thuật nấu ăn cơ bản.

3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học

Học viên tham gia khóa học phải đủ 18 tuổi trở lên.

4. Cấp Giấy chứng nhận

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, học viên sẽ được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ vệ sinh an toàn thực phẩm và nấu ăn trên tàu biển theo quy định của Công ước MLC 2006.

5. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên có kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và kỹ năng về nấu ăn.

7. Phương pháp đánh giá

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam và quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Phòng, chống các bệnh do thực phẩm;
- Vệ sinh thực phẩm;
- Vệ sinh cá nhân;
- Dinh dưỡng và sức khỏe;
- Sức khỏe và an toàn trong khu vực bếp;
- Sơ cứu tai nạn, phòng cháy chữa cháy trong bếp;
- Xử lý rác thải từ bếp, kiểm soát côn trùng, chuột;
- Quản lý, vệ sinh khu vực bếp, nhà ăn và các kho;

- Các vấn đề liên quan về văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ;
- Lập kế hoạch thực phẩm cho chuyến đi;
- Kỹ thuật nấu ăn cơ bản.

8. Thiết bị trợ giảng (A):

- A1: Tài liệu hướng dẫn
- A2: Video

9. Tham chiếu theo IMO, ILO (R):

R1 Maritime Labour Convention, 2006 (MLC, 2006);

10. Tài liệu học tập (T)

T1 Bài giảng Vệ sinh an toàn thực phẩm và nấu ăn

Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam và quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm	5.0	
2	Phòng, chống các bệnh do thực phẩm	5.0	1.0
3	Vệ sinh thực phẩm	5.0	2.0
4	Vệ sinh cá nhân	5.0	1.0
5	Dinh dưỡng và sức khỏe	5.0	2.0
6	Sức khỏe và an toàn trong khu vực bếp	1.5	1.0
7	Sơ cứu tai nạn, phòng cháy chữa cháy trong bếp	1.0	1.0
8	Xử lý rác thải từ bếp và kiểm soát côn trùng, chuột	0.5	0.5
9	Quản lý, vệ sinh khu vực bếp, nhà ăn và các kho	3.0	0.5
10	Các vấn đề về văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ...	1.0	
11	Lập kế hoạch thực phẩm cho chuyến đi	2.0	1.0
12	Kỹ thuật nấu ăn cơ bản	10.0	5.0
13	Đánh giá	1.0	
	Tổng	60 giờ	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

PHỤ LỤC 65**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HOA TIÊU HÀNG HẢI CƠ BẢN**
(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Hoa tiêu hàng hải cơ bản.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Chính quy, trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

- + Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển từ bậc đại học trở lên;
- + Đã đảm nhận chức danh sỹ quan vận hành boong tàu biển có tổng dung tích từ 500 trở lên ít nhất 12 tháng;
- + Đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định;
- + Có chứng chỉ tiếng Anh hàng hải trình độ 2 trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh quy đổi tương đương trở lên;

- Thời gian đào tạo/huấn luyện

Tổng số: 240 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Học viên sau khi hoàn thành khóa học đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản về thực tập tại các tổ chức hoa tiêu hàng hải trong khoảng thời gian và số lượt tàu thực tập theo quy định. Sau đó được tổ chức hoa tiêu hàng hải sát hạch và đề nghị cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hạng Ba.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học và có đủ thời gian thực tập hoặc số lượt tàu thực tập theo quy định có đủ năng lực dẫn các loại tàu có tổng dung tích đến 5.000 GT và chiều dài đến 115m.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo luật định, đồng thời phải nắm được nội dung tinh thần của các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và Công ước có liên quan đến nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải.

- Nhận thức được rằng đặc tính điều động của mỗi con tàu là khác nhau, hiểu được những yếu tố ảnh hưởng tới tính năng điều động tàu, để từ đó điều khiển con tàu một cách an toàn trong các điều kiện và tình huống khác nhau kể cả trong những tình huống khẩn cấp.

- Nắm bắt đặc điểm chi tiết vùng hoa tiêu hàng hải nơi mình công tác, cụ thể như đặc điểm địa lý, khí tượng thủy văn, xã hội, đặc điểm tuyến dẫn tàu, bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu, khu vực tránh bão và các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường.

- Vận dụng tốt kỹ năng làm việc trong đội nhóm buồng lái. Vận dụng linh hoạt mối quan hệ giữa hoa tiêu - thuyền trưởng; có khả năng quản lý nguồn lực buồng lái trong tình huống thông thường, tình huống khẩn cấp; có khả năng phối hợp nhịp nhàng hiệu quả với các thành viên buồng lái; có khả năng hội thoại tốt, chia sẻ thông tin chung.

- Vận hành tốt các thiết bị hàng hải được lắp đặt ở buồng lái hỗ trợ cho việc điều khiển, dẫn tàu an toàn và đặc biệt phải có khả năng cập nhật các trang thiết bị mới được bổ sung theo quy định cùng với những chức năng và nguyên lý hoạt động, cách thức vận hành các thiết bị đó cho việc điều động tàu.

- Hiểu và nhận biết về nguy cơ đâm va của tàu thuyền khi hành trình và cách phòng ngừa va chạm bằng thay đổi một cách kịp thời về tốc độ hoặc/và hướng đi để phòng ngừa va chạm, bao gồm cả việc thực hiện việc treo đèn, dấu hiệu, phát âm thanh và ánh sáng phù hợp với các tình huống ở mọi điều kiện tầm nhìn xa.

- Hiểu được một số kiến thức tối thiểu liên quan đến ổn định tàu, Bộ luật về hàng nguy hiểm của IMO (IMDG code) và một số quy định về chất xếp, vận chuyển, bảo quản hàng nguy hiểm trên tàu.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải, các công ước hàng hải quốc tế và những quy định của địa phương để thực hiện dẫn tàu an toàn;

- Vận dụng kiến thức về vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc để hỗ trợ việc dẫn tàu an toàn;

- Vận dụng kiến thức về điều động tàu trong các điều kiện khác nhau trên từng tuyến dẫn tàu (tầm nhìn xa bị hạn chế, khu vực mật độ tàu thuyền đông đúc, điều kiện tuyến dẫn tàu phức tạp, khó khăn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...).

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên luồng trong mọi điều kiện thời tiết;
- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông đông đúc, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào cầu, bến phao, vùng neo...);
- Dựa trên pháp luật quốc gia, quốc tế và những quy định của địa phương đảm bảo dẫn tàu an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các qui định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 9
- Khối lượng học tập toàn khóa: 240 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 192 giờ;
- Thực hành, thực tập, mô phỏng: 40 giờ;
- Kiểm tra đánh giá: 8 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Các văn bản pháp luật liên quan đến hoa tiêu hàng hải	30	29		1	Theo mục 4.2.2
2	Nghịệp vụ hoa tiêu hàng hải	10	09		1	Theo mục 4.2.2

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
3	Nghiệp vụ điều động tàu	80	69	10	1	Theo mục 4.2.2
4	Vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc của Việt Nam	50	49		1	Theo mục 4.2.2
5	Quản lý nguồn lực buồng lái	10	04	05	1	Theo mục 4.2.2
6	Khai thác sử dụng thiết bị hàng hải trên buồng lái	10	04	05	1	Theo mục 4.2.2
7	Công ước Quốc tế về quy tắc phòng ngừa va chạm trên biển	20	19		1	Theo mục 4.2.2
8	Ổn định tàu và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên tàu	10	09		1	Theo mục 4.2.2
9	Chuyên đề/tiếng Anh nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải	20		20	1	Theo mục 4.2.2
Tổng cộng		240	192	40	8	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần:

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần và đáp ứng được các yêu cầu khác đối với học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc đánh giá thực hành.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá

- Đánh giá hiểu biết về chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo luật định;

- Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và Công ước có liên quan đến nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải;

- Đặc tính điều động của tàu, những yếu tố ảnh hưởng tới tính năng điều động tàu;

- Điều động tàu trong các điều kiện và tình huống khác nhau kể cả trong những tình huống khẩn cấp;

- Đánh giá hiểu biết các đặc điểm địa lý, khí tượng thủy văn, xã hội, đặc điểm tuyến dẫn tàu, bến cảng, bến phao, các khu vực neo đậu, tránh bão;

- Các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường;

- Đánh giá kỹ năng làm việc trong đội nhóm buồng lái trong tình huống thông thường và tình huống khẩn cấp;

- Đánh giá kỹ năng vận hành các thiết bị hàng hải được lắp đặt ở buồng lái hỗ trợ cho việc điều khiển, dẫn tàu;

- Đánh giá khả năng cập nhật các trang thiết bị mới, những chức năng và nguyên lý hoạt động, cách thức vận hành các thiết bị đó cho việc điều động tàu;

- Đánh giá mức độ hiểu và nhận biết về nguy cơ đâm va của tàu thuyền khi hành trình và cách phòng ngừa va chạm;

- Đánh giá mức độ hiểu biết về một số kiến thức tối thiểu liên quan đến ổn định tàu;

- Đánh giá mức độ hiểu biết về Bộ luật về hàng nguy hiểm của IMO (IMDG code) và một số quy định về chất xếp, vận chuyển, bảo quản hàng nguy hiểm trên tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Học viên hoàn thành khóa học được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học.

Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học có giá trị 02 năm kể từ ngày cấp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 66**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HOA TIÊU HÀNG HẢI NÂNG CAO**

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Hoa tiêu hàng hải nâng cao.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Chính quy, trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

- + Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển từ bậc đại học trở lên;
- + Đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định;
- + Có chứng chỉ tiếng Anh hàng hải trình độ 3 theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hoặc tương đương;
- + Có GCNKNCMHTHH hạng Nhì hoặc tương đương;
- + Độc lập dẫn tàu an toàn ít nhất 300 lượt với cương vị hoa tiêu hàng hải hạng Nhì hoặc có thời gian đảm nhiệm tốt công việc của hoa tiêu hàng hải hạng Nhì tối thiểu 24 tháng với 200 lượt dẫn tàu an toàn, được tổ chức hoa tiêu hàng hải, Cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận đối với trường hợp hoa tiêu có GCNKNCMHTHH do cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp; hoặc xác nhận của cơ quan quản lý nơi hoa tiêu làm việc đối với hoa tiêu hàng hải là công dân Việt Nam có GCNKNCMHTHH do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp.

- Thời gian đào tạo/huấn luyện

Tổng số: 100 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Học viên sau khi hoàn thành khóa học đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao về thực tập tại các tổ chức hoa tiêu hàng hải trong khoảng thời gian và số lượt tàu thực tập theo quy định. Sau đó được tổ chức hoa tiêu hàng hải sát hạch và đề nghị cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hạng nhất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học và có đủ thời gian thực tập hoặc số lượt tàu thực tập theo quy định có đủ năng lực dẫn các loại tàu có tổng dung tích đến 20.000 và chiều dài đến 175m.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo luật định, đồng thời phải nắm được nội dung tinh thần của các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và Công ước có liên quan đến nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải.

- Phân tích được tính năng điều động của tàu cỡ lớn, sự khác nhau khi điều động những chiếc tàu cỡ lớn và những chiếc tàu cỡ nhỏ do tính năng điều động, kích thước, thể tích phần chìm dưới nước, diện tích mặt chịu gió lớn ... và những yếu tố ảnh hưởng của môi trường bên ngoài để đảm bảo điều động tàu an toàn.

- Diễn giải chi tiết về đặc điểm vùng hoa tiêu hàng hải nơi mình công tác, cụ thể như đặc điểm địa lý, khí tượng thủy văn, xã hội, đặc biệt đặc điểm tuyến dẫn tàu, bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu mới và các Quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về pháp luật hàng hải, các công ước hàng hải quốc tế và những quy định của địa phương để thực hiện dẫn tàu an toàn.

- Vận dụng kiến thức mới về vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc để hỗ trợ việc dẫn tàu an toàn.

- Vận dụng kiến thức về điều động tàu cỡ lớn trong các điều kiện khác nhau trên từng tuyến dẫn tàu (tầm nhìn xa bị hạn chế, khu vực mật độ tàu thuyền đông đúc, điều kiện tuyến dẫn tàu phức tạp, khó khăn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...).

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu cỡ lớn trên luồng trong mọi điều kiện thời tiết

- Điều động tàu cỡ lớn trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông đông đúc, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào cầu, bến phao, vùng neo...)

- Dựa trên pháp luật quốc gia, quốc tế và những quy định của địa phương đảm bảo dẫn tàu an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các qui định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 4

- Khối lượng học tập toàn khóa: 100 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 87 giờ;
- Thực hành, thực tập, mô phỏng: 10 giờ;
- Kiểm tra đánh giá 03 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Các văn bản pháp luật hàng hải liên quan đến hoa tiêu hàng hải	20	19		1	Vấn đáp
2	Điều động tàu biển cỡ lớn (Nâng cao và chuyên sâu)	40	39		1	Vấn đáp
3	Vùng hoa tiêu hàng hải (Cập nhật về các vùng hoa tiêu và đề cập những khu vực mới được đưa vào sử dụng)	20	19		1	Vấn đáp
4	Chuyên đề/tiếng Anh nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải	20	10	10		Vấn đáp
Tổng cộng		100	87	10	3	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần:

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần và đáp ứng được các yêu cầu khác đối với học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc đánh giá thực hành.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá:

- Đánh giá mức độ hiểu biết về chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo luật định

- Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và Công ước có liên quan đến nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải.

- Đánh giá trình độ phân tích tính năng điều động của các loại tàu và những yếu tố ảnh hưởng của môi trường bên ngoài để đảm bảo điều động tàu an toàn trong các điều kiện và các tình huống khác nhau.

- Đánh giá mức độ hiểu biết về đặc điểm vùng hoa tiêu hàng hải, đặc điểm tuyến dẫn tàu, bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu mới và các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Học viên hoàn thành khóa học được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học.

Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học có giá trị 02 năm kể từ ngày cấp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 67**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HOA TIÊU HÀNG HẢI CHO
THUYỀN TRƯỞNG TỰ DẪN TÀU**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Chính quy, trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

- Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển từ bậc cao đẳng trở lên;
- Đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định;
- Có chứng chỉ tiếng Anh hàng hải trình độ 2 hoặc chứng chỉ tiếng Anh quy đổi tương đương trở lên;
- Có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng ít nhất 36 tháng.

- Thời gian đào tạo/huấn luyện

Tổng số: 170 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Học viên sau khi hoàn thành khóa học đào tạo hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu, phải thực tập dẫn tàu theo quy định trên tuyến dẫn tàu theo yêu cầu được Cảng vụ hàng hải khu vực và Tổ chức hoa tiêu hàng hải xác nhận sẽ được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học và có đủ số lượt dẫn tàu an toàn trong khoảng thời gian theo quy định trên một khu vực xác định sẽ có đủ năng lực dẫn các loại tàu mà mình đã từng đảm nhận tương ứng với các quy định trên.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo luật định, đồng thời phải nắm được nội dung tinh thần của các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và Công ước có liên quan đến nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải;

- Nhận thức được rằng đặc tính điều động của mỗi con tàu là khác nhau, hiểu được những yếu tố ảnh hưởng tới tính năng điều động tàu, để từ đó điều khiển con tàu một cách an toàn trong các điều kiện và tình huống khác nhau kể cả trong những tình huống khẩn cấp;

- Nắm bắt đặc điểm chi tiết vùng hoa tiêu hàng hải nơi mình công tác, cụ thể như đặc điểm địa lý, khí tượng thủy văn, xã hội, đặc điểm tuyến dẫn tàu, bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu, khu vực tránh bão và các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường;

- Vận dụng tốt kỹ năng làm việc trong đội nhóm buồng lái. Có khả năng quản lý nguồn lực buồng lái trong tình huống thông thường, tình huống khẩn cấp; có khả năng phối hợp nhịp nhàng hiệu quả với các thành viên buồng lái; có khả năng hội thoại tốt, chia sẻ thông tin chung;

- Hiểu và nhận biết về nguy cơ đâm va của tàu thuyền khi hành trình và cách phòng ngừa va chạm bằng thay đổi một cách kịp thời về tốc độ hoặc/và hướng đi để phòng ngừa va chạm, bao gồm cả việc thực hiện việc treo đèn, dấu hiệu, phát âm thanh và ánh sáng phù hợp với các tình huống ở mọi điều kiện tầm nhìn xa.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải, các công ước hàng hải quốc tế và những quy định của địa phương để thực hiện dẫn tàu an toàn;

- Vận dụng kiến thức về điều động tàu trong các điều kiện khác nhau trên từng tuyến dẫn tàu (tầm nhìn xa bị hạn chế, khu vực mật độ tàu thuyền đông đúc, điều kiện tuyến dẫn tàu phức tạp, khó khăn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...).

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên luồng trong mọi điều kiện thời tiết;

- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông đông đúc, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào cầu, bến phao, vùng neo...);

- Dựa trên pháp luật quốc gia, quốc tế và những quy định của địa phương đảm bảo dẫn tàu an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các quy định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 04
- Khối lượng học tập toàn khóa: 170 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 141 giờ;
- Thực hành, thực tập, mô phỏng: 10 giờ;
- Kiểm tra đánh giá: 19 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Các văn bản pháp luật liên quan đến hoa tiêu hàng hải	30	28		02	Vấn đáp
2	Nghị vụ hoa tiêu hàng hải	10	08		02	Vấn đáp
3	Điều động tàu biển cỡ lớn (Nâng cao và chuyên sâu)	80	60	10	10	Vấn đáp
4	Vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc của Việt Nam	50	45		05	Vấn đáp
	Tổng số:	170	141	10	19	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần:

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần và đáp ứng được các yêu cầu khác đối với học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc đánh giá thực hành.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá

- Đánh giá hiểu biết về chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo luật định;

- Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và Công ước có liên quan đến nghiệp vụ hoa tiêu hàng hải;

- Đặc tính điều động của tàu, những yếu tố ảnh hưởng tới tính năng điều động tàu;

- Điều động tàu trong các điều kiện và tình huống khác nhau kể cả trong những tình huống khẩn cấp;

- Đánh giá hiểu biết các đặc điểm địa lý, khí tượng thủy văn, xã hội, đặc điểm tuyến dẫn tàu, bến cảng, bến phao, các khu vực neo đậu, tránh bão;

- Các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường;

- Đánh giá kỹ năng làm việc trong đội nhóm buồng lái trong tình huống thông thường và tình huống khẩn cấp;

- Đánh giá kỹ năng vận hành các thiết bị hàng hải được lắp đặt ở buồng lái hỗ trợ cho việc điều khiển, dẫn tàu;

- Đánh giá khả năng cập nhật các trang thiết bị mới, những chức năng và nguyên lý hoạt động, cách thức vận hành các thiết bị đó cho việc điều động tàu;

- Đánh giá mức độ hiểu và nhận biết về nguy cơ đâm va của tàu thuyền khi hành trình và cách phòng ngừa va chạm.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Học viên hoàn thành khóa học được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học.

Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học có giá trị 02 năm kể từ ngày cấp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 68**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ 1**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 1.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Người học cần đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây:

Có trình độ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 1/6 theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương theo quy định (tham khảo thêm Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian đào tạo/huấn luyện

Tổng số: 150 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của khóa học tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 1 theo Chương trình mẫu của IMO là: Phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc của thủy thủ boong.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có thể hiểu được các câu và đoạn hội thoại ngắn được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về bản thân, công việc). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày và trong công việc.

Có thể giao tiếp ở mức độ sơ cấp trong các tình huống làm việc trên tàu liên quan đến bộ phận boong như trong yêu cầu hướng dẫn dạy tiếng Anh ở phần B-W1 của STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Phân biệt được các kiến thức về ngữ pháp ở trình độ sơ cấp;
- Hiểu được các kiến thức về từ vựng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp được sử dụng trên tàu như thông tin cá nhân, sở thích cá nhân, tên các bộ phận của cơ bản của con tàu, trong khu vực buồng máy, các hoạt động thường nhật trên tàu;
- Hiểu được các kiến thức về ngữ âm ở trình độ sơ cấp.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thể hiện khả năng nghe các cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày về bản thân và công việc trên boong và trên buồng lái khi được diễn đạt chậm và rõ ràng;
- Thể hiện khả năng đọc các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày;
- Thể hiện khả năng phát âm tương đối chính xác về âm, trọng âm, ngữ điệu câu trong các đoạn thông báo ngắn; thể hiện khả năng giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến cá nhân và công việc liên quan đến bộ phận boong trên tàu;
- Thể hiện khả năng viết được câu văn mô tả hoặc đoạn văn đơn giản có độ dài ngắn (70 - 80 từ) theo các chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, công việc liên quan đến bộ phận boong trên tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Giao tiếp bằng lời nói trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ sơ cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp;
- Giao tiếp bằng văn bản trong các tình huống có sử dụng tiếng Anh ở mức độ sơ cấp phục vụ cho mục đích nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần, mô đun: 10
- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 104 giờ; Thực hành: 40 giờ; Kiểm tra đánh giá 06 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Hỏi và trả lời thông tin cá nhân	14	10	4		
2	Miêu tả nhiệm vụ thuyền viên và công việc thường nhật	14	10	4		
3	Kể tên các loại tàu; mô tả các phần của một con tàu.	14	10	4		
4	Tên các vị trí trên tàu; hỏi và trả lời về phương hướng trên tàu và trên bờ; mô tả vị trí và mục đích của thiết bị an toàn.	14	10	4		
5	Thảo luận về tuyến đường và vị trí địa lý; mô tả các khu vực buồng lái trên tàu; sử dụng các thông tin bằng số cho máy móc.	14	10	4		
6	Kiểm tra giữa khóa	3			3	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm
7	Diễn tả sở thích và không thích của cá nhân; thảo luận về các hoạt động thường nhật trên tàu (giải trí, bữa ăn...)	14	10	4		

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
8	Mô tả các hoạt động thường nhật trên tàu; mô tả nhiệm vụ trực ca; hiểu các khẩu lệnh lái tiêu chuẩn.	14	10	4		
9	Hiểu các mệnh lệnh trong tình huống khẩn cấp trên tàu.	14	10	4		
10	Kiểm tra hàng cung ứng, cung cấp số lượng, trọng lượng và giá cả; mua sắm.	14	10	4		
11	So sánh chi tiết tàu; mô tả thiết bị.	14	10	4		
12	Ôn tập cuối khóa	4	4	0		
13	Đánh giá cuối khóa	3			3	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm
Tổng cộng		150	104	40	6	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 70% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra cuối khóa học:

Học viên được dự thi kết thúc khóa học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập toàn khóa học. Đồng thời đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình học.

4.2.2. Hình thức thi đánh giá cuối khóa học:

- Thi vấn đáp trực tiếp kỹ năng nói; thi trên máy tính đối với các kỹ năng nghe, đọc, viết bằng bộ ngân hàng được phê duyệt;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học ngoại ngữ;

- Nội dung đánh giá:

+ Kiến thức ngữ pháp ở trình độ sơ cấp;

+ Tổ chức tàu nói chung và tổ chức ngành boong nói riêng, nhiệm vụ và công việc thường nhật của các chức danh ngành boong;

+ Tên các loại tàu và các bộ phận chính của 1 con tàu;

+ Cách mô tả phương hướng trên tàu và trên bờ;

+ Vị trí và mục đích của thiết bị an toàn;

+ Trình bày sở thích cá nhân và các hoạt động thường nhật trên tàu;

+ Mô tả nhiệm vụ trực ca, nghe hiểu các khẩu lệnh lái tiêu chuẩn;

+ Các tình huống khẩn cấp trên tàu và các khẩu lệnh sử dụng trong các tình huống khẩn cấp;

+ Kể tên các loại hàng hóa thường dùng, số lượng và giá cả;

+ So sánh các chi tiết tàu và mô tả thiết bị trên tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Những học viên có chứng chỉ tiếng Anh Marlins English Language test (Deck department) đạt từ 65% trở lên được miễn tham gia khóa học đồng thời được công nhận tương đương tiếng Anh chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 1.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

- Giảng viên là những người được cấp bằng giảng dạy tiếng Anh và có kiến thức về lĩnh vực hàng hải;

- Giảng viên dạy thực hành là thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan có năng lực tiếng Anh (có minh chứng).

6. Tiêu chuẩn trang thiết bị huấn luyện và tài liệu giảng dạy

Cơ sở đào tạo biên soạn, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp với tình hình thực tiễn và theo hướng dẫn của Model course 3.17 và các tài liệu liên quan khác

(Xem tiếp Công báo số 359 + 360)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng